

Số: /GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/05/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/08/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 21/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Xét Văn bản số 28/CVMT-GTS ngày 28/10/2024 của Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; Văn bản số 14/CVMT-GTS ngày 14/3/2025 của Công ty GTS (Viet Nam) Industrial về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Dự án Công ty TNHH GTS (VietNam) Industrial” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial, địa chỉ tại Nhà xưởng I-1.4, thuộc lô I-1, thuê của Công ty Cổ phần Thiên Bảo Hải Phòng, Khu công nghiệp

Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Hồng Phong, huyện An Dương (nay là phường Hồng Phong, quận An Dương) thành phố Hải Phòng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án Công ty TNHH GTS (VietNam) Industrial” tại Nhà xưởng I-1.4, thuộc lô I-1, thuê của Công ty Cổ phần Thiên Bảo Hải Phòng, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Hồng Phong, huyện An Dương (nay là phường Hồng Phong, quận An Dương), thành phố Hải Phòng, Việt Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án Công ty TNHH GTS (VietNam) Industrial”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Nhà xưởng I-1.4, thuộc lô I-1, thuê của Công ty Cổ phần Thiên Bảo Hải Phòng, Khu công nghiệp Tràng Duệ, thuộc Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, xã Hồng Phong, huyện An Dương (nay là phường Hồng Phong, quận An Dương), thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên số 0202230503 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng (nay là Sở Tài chính) cấp lần đầu ngày 29/01/2024. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5407812145, Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận lần đầu ngày 18 tháng 01 năm 2024, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 05 tháng 3 năm 2025.

1.4. Mã số thuế: 0202230503

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Gia công, lắp ráp máy kiểm tra, thử nghiệm và tự động hoá cho các thiết bị điện tử tiêu dùng; Sản xuất keo lưu hoá nhiệt độ phòng (keo silicon RTV) cho thiết bị điện tử tiêu dùng; Sản xuất linh kiện silicon cho thiết bị điện tử tiêu dùng; Sản xuất băng keo tản nhiệt, băng keo cách điện cho các sản phẩm điện tử tiêu dùng bằng phương pháp die-cutting; Sản xuất vải bọc da silicon dùng cho nội thất.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích thuê sử dụng: 8.980 m².

- Nhóm dự án: Dự án thuộc nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Công suất của dự án:

+ Máy kiểm tra thử nghiệm, tự động hoá các thiết bị điện tử tiêu dùng: 100 chiếc/năm tương đương 14 tấn/năm.

+ Keo lưu hoá nhiệt độ phòng (keo silicon RTV) cho thiết bị điện tử tiêu dùng: 32.000 chiếc/năm tương đương 160 tấn/năm.

+ Linh kiện silicon cho thiết bị điện tử tiêu dùng: 38.000.000 chiếc/năm tương

đương 3,8 tấn/năm.

+ Bảng keo tản nhiệt, băng keo cách điện cho các sản phẩm điện tử tiêu dùng bằng phương pháp die-cutting: 38.000.000 chiếc/năm tương đương 0,9 tấn/năm.

+ Vải bọc da silicon dùng cho nội thất: 112.745 m² sản phẩm/năm tương đương 90 tấn/năm.

- Quy trình dây chuyền công nghệ sản xuất:

+ Máy kiểm tra thử nghiệm, tự động hoá các thiết bị điện tử tiêu dùng: Nguyên liệu (Nhôm, đồng, tấm nhựa,..) → gia công chi tiết + Bán thành phẩm (máy ảnh, thiết bị scan,...) → Lắp ráp → Khắc laser → Kiểm tra → Đóng gói.

+ Keo lưu hoá nhiệt độ phòng (keo silicon RTV): Nguyên liệu (Keo silicone A; Keo silicone B) + Chất phụ gia tyzor, Methyltrimethoxysilane → Trộn → Ép ra liệu → Kiểm tra → Đóng chai, dán nhãn, đóng thùng.

+ Linh kiện silicon cho thiết bị điện tử tiêu dùng: Nguyên liệu (Silicone + phụ gia) → Phối trộn nguyên liệu → Ép tạo hình sản phẩm → Sản phẩm → Kiểm tra → Đóng gói.

+ Bảng keo tản nhiệt, băng keo cách điện: Nguyên liệu (Bảng dính PET, PI) → Cắt phân chia → Cắt dán → Cuộn (Cắt nhỏ) → Kiểm tra → Đóng gói.

+ Vật liệu tổng hợp silicon: Nguyên liệu (Vật liệu tổng hợp) → Bôi keo → Cắt viên → Kiểm tra → Cắt → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường không khí quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu

cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến hết ngày 01/12/2028.

(Theo đề nghị của chủ dự án và Hợp đồng thuê nhà xưởng số 02/HĐNX-TBHP/2024 ngày 05/02/2024 giữa Công ty TNHH GTS (Vietnam) Industrial và Công ty Cổ phần Thiên Bảo Hải Phòng)

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND: phường Hồng Phong, quận An Dương;
- Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial;
- Công ty Cổ phần Thiên Bảo Hải Phòng;
- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng;
- Các Phòng: TNMT, QHXD, QLĐT, DN&GSĐT, VPĐD;
- Công TTĐT BQLKKT (để đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trảng Duệ, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Công ty TNHH GTS (Viet Nam) Industrial đã ký hợp đồng xử lý nước thải số 3105/HĐNT-SHP.GTS/2024 ngày 31/5/2024 với Công ty CP Khu công nghiệp Sài Gòn – Hải Phòng (Toàn bộ nước thải từ nhà máy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Trảng Duệ do Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng làm chủ đầu tư).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý tại 02 bể tự hoại (tổng dung tích $24m^3$) và nước thoát sàn được dẫn về ga thu gom cuối của Nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp Trảng Duệ và dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ.

Nước làm mát quả lô của máy trộn của quá trình sản xuất sản phẩm silicone được thu gom và xử lý tại hệ thống làm mát Liangchi, sau đó được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

(Nước thải từ nhà vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn) + Nước thoát sàn → hố ga cuối → hệ thống dẫn nước thải chung của Khu công nghiệp → Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Trảng Duệ

Nước làm mát máy trộn của quá trình sản xuất sản phẩm silicone → tháp giải nhiệt Liangchi → tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường

- Công suất thiết kế:

+ 02 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích $24 m^3$ tại khu vực nhà văn phòng, nhà xưởng, kích thước mỗi bể $3 \times 2 \times 2 m$;

+ Tháp giải nhiệt Liang chi: khả năng làm mát: 97.500 kcal/Hr, công suất động cơ: 1,5kW.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại Khoản 2, Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm d, Khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bởi Khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Trảng Duệ, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Trảng Duệ để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm
2025 của Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm từ nơi cung cấp đến khu vực nhà máy, không sử dụng các phương tiện giao thông vận tải không đủ điều kiện sử dụng, quá thời gian lưu hành và không chở hàng hóa vượt quá tải trọng của phương tiện.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì máy móc, thiết bị sản xuất, hệ thống thông gió nhà xưởng đảm bảo tình trạng hoạt động tốt.

- Tăng cường vệ sinh nhà xưởng, khu vực sản xuất.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ cho người lao động làm việc như: Khẩu trang, quần áo bảo hộ... và nâng cao ý thức thực hiện an toàn lao động.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống thông gió nhà xưởng.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm
2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động của hoạt động của dây chuyền sản xuất

- + Nguồn số 1: Tại khu vực gia công.
- + Nguồn số 2: Tại khu vực đặt máy nén khí.
- + Nguồn số 3: Tại khu vực máy phun cát.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X (m) = 2308218, Y (m) = 583923;
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X (m) = 2308225, Y (m) = 583928;
- + Nguồn số 03: Tọa độ X (m) = 2308220, Y (m) = 583905.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰45', múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên cân chỉnh và bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt) các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.

- Lắp đặt đệm chống ồn, chống rung đối với máy móc thiết bị sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm
2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Đơn vị (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	25	16 01 06
2	Dầu cắt gọt thải	Lỏng	300	07 03 02
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03
4	Bavia nhựa, mặt kim loại chứa thành phần nguy hại	Rắn	168,8	07 03 11
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	250	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	100	18 01 03
7	Ắc quy chì thải	Rắn	100	19 06 01
8	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	500	18 02 01
9	Hỗn hợp dầu - nước từ máy nén khí	Lỏng	50	19 10 01
Tổng			1.543,8	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh bao gồm các loại bavia nhựa, kim loại, cát, màng PE, các loại bao dứa, thùng bìa carton, túi nilon, xốp chứa nguyên liệu đầu vào, nhiên liệu phục vụ sản xuất,... Tổng khối lượng: 27,79 tấn/năm ~ 2,31 tấn/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh bao gồm giấy, bọc nilon, thực phẩm thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống,...: 34,4 kg/ngày ~ 894,4 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 01 kho với diện tích 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng khép kín, có mái che và nền bê tông chống thấm, bố trí đầy đủ biển cảnh báo, bình bột chữa cháy, cát chống thấm, rãnh thu, hố thu và gờ chống tràn; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa: 01 kho với diện tích 27 m²

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu giữ chất thải xây dựng khép kín, có mái che và nền bê tông, và được trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: các thùng chứa có nắp đậy dung tích 50-100 lít, được đặt tại các khu vực nhà vệ sinh, nhà văn phòng, nhà xưởng sản xuất;

- Phân loại rác thải theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 25/12/2023 ban hành Quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng gồm: thùng chứa rác thải màu xanh lá cây: sử dụng chứa rác thải thực phẩm; màu trắng, trong suốt: sử dụng chứa rác thải có khả năng tái sử dụng, tái chế; màu vàng: sử dụng chứa rác thải sinh hoạt khác.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngày tháng năm 2025 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường theo quy định nếu để xảy ra sự cố môi trường.
